TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v "Ly hôn giữa anh T và chị T1"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Lê Minh Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T1 Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 496/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST–HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.
Anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 20/11/2024.
* *Bị đơn:* **Trần Thị Thanh T1**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/9/2024, bản tự khai ngày 20/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Minh T trình bày:

Anh Nguyễn Minh T với chị Trần Thị Thanh T1 tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An vào năm 2013. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, vợ chồng đánh nhau và đã ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 22/8/2013, Nguyễn Đăng K, sinh ngày 29/5/2016. Hiện nay, cháu V và cháu K đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, cháu K và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trần Thị Thanh T1 trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T1 đều vắng mặt không có lý do, mặc dù chị T1 vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Trần Thị Thanh T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh T đối với chị Trần Thị Thanh T1.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 22/8/2013, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 29/5/2016.

Ghi nhận sự tự nguyên của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, chị T1 vắng mặt, không cung cấp lời khai hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Trần Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Anh T và chị T1 cưới nhau vào năm 2013, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị T1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của anh T trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa anh T với chị T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Toà án đã triệu tập anh T với chị T1 để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T1 vắng mặt không lý do, đồng thời anh T cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó cho thấy hai bên đã không còn quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh T với chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 22/8/2013, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 29/5/2016 đã sống chung với anh T từ nhỏ, anh T chăm sóc cháu V, cháu K phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Ngọc V, cháu Nguyễn Đăng K để anh T trực tiếp

nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, chị T1 vắng mặt không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh T với chị Trần Thị Thanh T1.

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T với chị Trần Thị Thanh T1.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh T với chị Trần Thị Thanh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 22/8/2013, cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 29/5/2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh T không yêu cầu chị Trần Thị Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thanh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị Thanh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004005 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, anh Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự anh Nguyễn Minh T, chị Trần Thị Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An;
(Số 116 ngày 03/12/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi